TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/4/2020
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chu Y**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Quy;

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Toà án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2019/TLHNGĐ-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Diễm , sinh năm: 1974. Nơi cư trú: ấp Long Thạnh, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: ấp Long Thạnh, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Diễm Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn Đ chung sống vào năm 1992, đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh vào năm 2002. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn

do ông Đ thường xuyên cờ bạc, rượu chè, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông bà ly thân từ năm 2006 cho đến nay không có hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Đỗ Thị Kim Vàng, sinh ngày 27/8/1994 và Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 18/02/2001. Hiện con chung đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn là ông Đỗ Văn Đ đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ có đơn xin vắng mặt tất cả các thủ tục tố tụng tại Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2020 (bút lục số 27) ông Đ khai:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Th kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, ông có thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường xuyên gây gổ, chung sống không còn hạnh phúc. Ông bà ly thân từ khoảng năm 2012 cho đến nay không có hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Đỗ Thị Kim Vàng, sinh ngày 27/8/1994 và Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 18/02/2001. Hiện em Vàng và em Ngân đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà Th và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; ông Đ và bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông Đ; Không đặt

ra xem xét giải quyết về con chung và tài sản chung. Về án phí: bà Th phải chịu án phí, ông Đ không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ, ông Đ có nơi cư trú tại ấp Long Thạnh, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên TAND huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết, ông Đ đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng ông Đ có đơn xin vắng mặt tất cả các thủ tục tố tụng tại Tòa án và bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Th và ông Đ kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã được UBND xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 08/08/2002 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Ông bà kết hôn và chung sống từ năm 1992, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới đời sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông Đ thường xuyên uống rượu. Ông bà ly thân từ năm 2012 cho đến nay không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn gia đình. Ông Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th nhưng không tham gia hòa giải mà có đơn xin vắng mặt tất cả các thủ tục tố tụng tại Tòa án. Xét thấy thời gian ly thân của ông bà đã lâu, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[2.2] Về con chung: Bà Th và ông Đ thống nhất trình bày có 02 con chung tên Đỗ Thị Kim Vàng, sinh ngày 27/8/1994 và Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 18/02/2001. Hiện chị Vàng và chị Ngân đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà Th và ông Đ không tranh chấp về nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông bà không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Diễm Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đỗ Văn Đ không phải chịu án phí.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Diễm Th đối với ông Đỗ Văn Đ.

2. Về con chung:

Ghi nhận bà Th và ông Đ có 02 con chung tên Đỗ Thị Kim Vàng, sinh ngày: 27/8/1994 và Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày: 18/02/2001. Các con chung đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà Th và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Th, ông Đ không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Diễm Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0022243 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí bà Th đã thi hành xong. Ông Đỗ Văn Đ không phải chịu án phí.

5. Bà Trần Thị Diễm Th và ông Đỗ Văn Đ có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND xã Long Chữ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Chu Y